

Hà Nội, ngày 04 tháng 11 năm 2017

GIỚI THIỆU NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT TIẾP CẬN THÔNG TIN

Ngày 6 tháng 4 năm 2016 tại kỳ họp thứ 11 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII đã thông qua Luật tiếp cận thông tin. Ngày 19/4/2016 Chủ tịch nước đã ký Lệnh số 04/2016/L-CTN về việc công bố Luật tiếp cận thông tin. Luật tiếp cận thông tin số 104/2016/QH13 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2018.

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT

Quyền tiếp cận thông tin là một trong các quyền cơ bản của con người, của công dân thuộc nhóm quyền dân sự - chính trị đã được ghi nhận trong Tuyên ngôn thế giới về nhân quyền của Liên Hợp quốc năm 1948, Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị năm 1966 mà Việt Nam là thành viên. Quyền tiếp cận thông tin tiếp tục được khẳng định trong nhiều điều ước quốc tế khác như Công ước của Liên Hợp quốc về chống tham nhũng, Tuyên bố Rio về Môi trường và phát triển, Công ước UNECE về tiếp cận thông tin môi trường.

Ở nước ta, Hiến pháp năm 1992 lần đầu tiên xác định quyền được thông tin là quyền cơ bản của công dân. Cụ thể hóa Hiến pháp, cùng với quá trình đổi mới kinh tế, hội nhập quốc tế, xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật theo các nguyên tắc của nhà nước pháp quyền, trong những năm qua, Nhà nước ta đã ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật có quy định về thực hiện và bảo đảm thực hiện quyền được thông tin của công dân trong một số lĩnh vực, góp phần xây dựng một xã hội cởi mở hơn về thông tin và một Chính phủ công khai, minh bạch hơn, trách nhiệm giải trình cao hơn trong hoạt động quản lý, điều hành đất nước, góp phần đưa chủ trương “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” từng bước đi vào cuộc sống. Tuy nhiên, thực tiễn thực hiện quyền được thông tin và pháp luật về quyền được thông tin của công dân ở nước ta thời gian qua còn có những vướng mắc, bất cập, chưa đáp ứng được yêu cầu của tình hình mới. Cụ thể là:

Thứ nhất, về mặt thể chế, pháp luật hiện hành quy định chưa đầy đủ, chưa chặt chẽ và chưa thống nhất về bảo đảm quyền được thông tin của công dân theo tinh thần Hiến pháp năm 1992 và quyền tiếp cận thông tin của công dân theo tinh thần Hiến pháp năm 2013. Cụ thể như sau:

- Hiến pháp năm 2013 kế thừa quy định của Hiến pháp năm 1992 về quyền được thông tin của công dân và sửa đổi thành quyền tiếp cận thông tin của công dân (Điều 25). Đồng thời, Hiến pháp năm 2013 lần đầu tiên quy định các nguyên tắc thực hiện quyền con người, quyền công dân, trong đó có quyền

tiếp cận thông tin; khẳng định trách nhiệm của Nhà nước trong việc tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm quyền con người, quyền công dân (Điều 3), quy định nguyên tắc quyền con người, quyền công dân “chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng” (Điều 14).

Qua rà soát pháp luật hiện hành về bảo đảm và thực hiện quyền tiếp cận thông tin của công dân trong các lĩnh vực cho thấy, mặc dù trong một số lĩnh vực, pháp luật hiện hành của nước ta cũng đã ghi nhận và tạo sự tương thích ở mức độ nhất định về nội hàm của quyền được thông tin, quyền tiếp cận thông tin với quan niệm và quy định về quyền tự do biểu đạt/tự do ngôn luận của các công ước, điều ước quốc tế và luật về tiếp cận thông tin của một số nước trên thế giới, nhưng nội hàm của quyền tiếp cận thông tin còn chưa đầy đủ, toàn diện trong từng lĩnh vực cụ thể. Hệ thống pháp luật hiện hành cũng chưa thống nhất, đồng bộ trong việc cụ thể hóa quy định của Hiến pháp năm 2013 về quyền tiếp cận thông tin và trách nhiệm của Nhà nước trong việc tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân cũng như các nguyên tắc, điều kiện hạn chế thực hiện quyền tiếp cận thông tin. Một số văn bản dưới luật có quy định mang tính hạn chế quyền tiếp cận thông tin của công dân hoặc quy định hạn chế quyền tiếp cận thông tin không thuộc một trong các trường hợp được hạn chế theo quy định của khoản 2 Điều 14 Hiến pháp năm 2013.

- Hiến pháp năm 2013 lần đầu tiên quy định cơ chế kiểm soát quyền lực giữa các cơ quan nhà nước (Điều 2), đồng thời xác định trách nhiệm giám sát nhà nước, giám sát và phản biện xã hội của cơ quan đại diện nhân dân (Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp), Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội đối với hoạt động của các cơ quan nhà nước. Điều này đòi hỏi phải tăng cường tính minh bạch, công khai trong hoạt động của các cơ quan nhà nước nói chung và Chính phủ, bộ máy hành chính nói riêng - đây được coi là yếu tố then chốt của quản trị nhà nước, là một biểu hiện của “tăng tính dân chủ và pháp quyền trong điều hành của Chính phủ”¹ và là công cụ giúp phòng, chống tham nhũng, tạo điều kiện để công dân tham gia quản lý nhà nước và xã hội, tăng trách nhiệm giải trình của cơ quan nhà nước.

Tuy nhiên, pháp luật hiện hành chưa quy định đầy đủ về cơ chế kiểm soát quyền lực giữa các cơ quan nhà nước và giám sát của xã hội đối với việc bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin của công dân.

- Pháp luật hiện hành quy định chưa rõ và chưa thống nhất về nguyên tắc bảo đảm quyền tiếp cận thông tin; về cơ quan nhà nước có trách nhiệm cung cấp thông tin; về phương thức, hình thức, trình tự, thủ tục tiếp cận thông tin. Hầu hết các văn bản hiện hành chưa chú trọng đến quyền được chủ động yêu cầu cung cấp thông tin của công dân; chủ yếu chỉ đề cập đến công khai một số thông tin trong các lĩnh vực hoặc chỉ quy định trách nhiệm một cách chung chung của cơ quan nhà nước trong việc cung cấp thông tin. Hơn nữa, các quy định hiện hành chưa bao quát hết các lĩnh vực cần cung cấp thông tin trong đời sống kinh tế - xã hội, vì

¹ Theo Báo cáo Chính trị của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa X tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI.

vậy, chưa tạo cơ chế pháp lý đầy đủ, chặt chẽ nhằm bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân và trách nhiệm của Nhà nước trong việc tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm quyền con người, quyền công dân.

Thứ hai, về mặt thực tiễn, việc tiếp cận thông tin của công dân còn hạn chế:

- Nhu cầu thông tin của công dân đang ngày càng gia tăng, nhất là các thông tin liên quan trực tiếp đến việc thực hiện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân (như thông tin trong lĩnh vực quy hoạch đất đai, giao thông, xây dựng, đền bù, giải phóng mặt bằng,...). Trong khi đó, việc công khai và cung cấp thông tin của các cơ quan nhà nước mới chỉ đáp ứng một phần nhu cầu của người dân, chưa tạo điều kiện cho người dân tiếp cận thông tin một cách chủ động, nhanh chóng và thuận tiện².

Trên thực tế, phạm vi thông tin được công khai, hình thức công khai thông tin cũng như quy trình, thủ tục tiếp nhận yêu cầu và cung cấp thông tin theo yêu cầu tại các cơ quan nhà nước chưa được thực hiện thống nhất, còn phụ thuộc vào quyết định của từng cơ quan và thái độ phục vụ của công chức trực tiếp tiếp nhận yêu cầu. Việc đáp ứng yêu cầu cung cấp thông tin của công dân về hoạt động của các cơ quan nhà nước, về các vấn đề liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình còn hạn chế, nên người dân chưa thể chủ động thực hiện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình, cũng như tham gia vào các hoạt động của Nhà nước và xã hội, đóng góp ý kiến vào quá trình xây dựng và hoàn thiện chính sách, pháp luật, giúp Nhà nước hoạch định chính sách, pháp luật vừa sát thực tế, vừa hợp với lòng dân, bảo đảm điều hành và quản trị xã hội hiệu quả hơn. Bên cạnh đó, việc cung cấp thông tin còn nhiều bất cập đã dẫn đến nhiều hệ lụy, như một bộ phận cán bộ, công chức lợi dụng vị trí đặc quyền nắm giữ thông tin để trục lợi, tham nhũng, tiêu cực.

- Công dân chưa được bảo đảm cung cấp thông tin một cách chính thống bởi các cơ quan nhà nước tạo ra thông tin. Trên thực tế, việc cơ quan nhà nước không cung cấp thông tin chính thống, chính xác, đầy đủ, kịp thời trong một số trường hợp đã tạo cơ hội cho những thông tin không đúng sự thật, gây dư luận xấu, ảnh hưởng đến trật tự và ổn định xã hội, ảnh hưởng tới sự đồng thuận xã hội trong việc xây dựng và triển khai thực hiện chính sách, pháp luật.

Việc không minh bạch, kịp thời trong cung cấp thông tin của các cơ quan nhà nước cũng tạo nên sự bất bình đẳng trong việc tiếp cận thông tin, đồng thời dẫn đến nguy cơ rủi ro trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, cá nhân, các nhà đầu tư trong và ngoài nước; gây khó khăn cho việc xây dựng môi trường kinh doanh lành mạnh, cản trở quá trình hội nhập quốc tế, từ đó làm ảnh hưởng đến tính cạnh tranh và sự phát triển bền vững của nền kinh tế.

Thứ ba, qua nghiên cứu một số điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên như đã báo cáo ở trên cho thấy, mặc dù chúng ta đã nội luật hóa các quy định liên quan đến quyền tiếp cận thông tin của các điều ước này trong một số

² Dự án điều tra cơ bản “Nhu cầu tiếp cận thông tin và các điều kiện bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin của công dân, tổ chức”.

luật như Luật phòng, chống tham nhũng, Luật bảo vệ môi trường... nhưng vẫn chưa đầy đủ, chưa bảo đảm tính tương thích với cam kết quốc tế này. Trong khi đó, trên bình diện quốc tế cũng như ở phạm vi quốc gia, quyền tiếp cận thông tin ngày càng được công nhận rộng rãi. Nhiều điều ước, hiệp ước quốc tế, kế hoạch hành động, tuyên bố quốc tế đã đưa ra những yêu cầu có tính ràng buộc hoặc khuyến nghị các quốc gia thành viên ban hành văn bản pháp luật ghi nhận quyền tiếp cận thông tin. Nhiều nước công nhận tầm quan trọng của tiếp cận thông tin không chỉ với tư cách là một trong những quyền cơ bản của con người mà còn là một công cụ quan trọng góp phần nâng cao khả năng điều hành của chính phủ, tăng cường tính minh bạch, phòng và chống tham nhũng trong hoạt động của các cơ quan chính phủ. Trên thế giới, đến nay đã có khoảng 120 nước ban hành đạo luật riêng quy định về quyền tiếp cận thông tin của công dân. Nước đầu tiên ban hành luật là Thụy Điển (năm 1766), đa số các nước còn lại ban hành luật vào những năm 90 trở lại đây. Ở châu Á, một số nước đã ban hành luật về tiếp cận thông tin như Thái Lan (năm 1997), Hàn Quốc (năm 1996 và sửa đổi năm 2004, năm 2008), Nhật Bản (năm 2001), Ấn Độ (năm 2005), Trung Quốc (năm 2007), Indônêxia (năm 2008)...

Từ những lý do nêu trên, việc xây dựng và ban hành Luật tiếp cận thông tin là rất cần thiết. Việc bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin với tư cách là quyền cơ bản của công dân có ý nghĩa làm tiền đề, điều kiện cho việc thực hiện các quyền tự do dân chủ khác của con người, của công dân mà Hiến pháp năm 2013 đã quy định, như quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội, quyền bầu cử, ứng cử, quyền biểu quyết khi Nhà nước tổ chức trưng cầu ý dân, quyền khiếu nại, quyền tố cáo, quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí... Vì vậy, Luật tiếp cận thông tin được xác định là một trong những dự án luật được ưu tiên ban hành trong nhóm các dự án luật liên quan đến bảo đảm quyền con người, quyền công dân nhằm triển khai thi hành Hiến pháp năm 2013 (Nghị quyết số 718/NQ-UBTVQH ngày 02/01/2014³ của Ủy ban thường vụ Quốc hội).

II. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG LUẬT TIẾP CẬN THÔNG TIN

Việc xây dựng Luật tiếp cận thông tin được dựa trên các quan điểm chỉ đạo cơ bản sau đây:

1. Thể chế hoá chủ trương, chính sách của Đảng về "mở rộng dân chủ, bảo đảm quyền công dân, quyền con người", "tạo cơ chế nhân dân thực hiện đầy đủ quyền làm chủ, nhất là dân chủ trực tiếp", "bảo đảm quyền được thông tin" của công dân.

2. Cụ thể hóa đầy đủ tinh thần và nội dung của Hiến pháp năm 2013 về công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân và bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với các luật khác có liên quan.

3. Bảo đảm tính khả thi của Luật trong điều kiện kinh tế - xã hội Việt Nam; tiến hành thận trọng, mở dần từng bước và phải phù hợp với điều kiện thực tiễn Việt Nam, bảo đảm hoạt động bình thường của các cơ quan nhà nước.

³ Ban hành Kế hoạch tổ chức triển khai thi hành Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

III. DỰ BÁO CÁC TÁC ĐỘNG KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA LUẬT TIẾP CẬN THÔNG TIN

Luật tiếp cận thông tin dự kiến có những tác động đến cơ quan nhà nước, người dân, doanh nghiệp như sau:

- *Tác động về kinh tế:* việc tăng cường và mở rộng thông tin cũng có nghĩa là tăng cường và nâng cao tri thức, có thể đem đến những chuyển biến cơ bản trong việc sản xuất sản phẩm và dịch vụ. Thông tin công khai, minh bạch còn giúp cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước xây dựng cho mình các kế hoạch đầu tư dài hạn, tin tưởng vào kế hoạch kinh doanh. Các doanh nghiệp được bình đẳng trong việc khai thác những thông tin về quy hoạch, chính sách thuế để lập kế hoạch đầu tư dài hạn. Bảo đảm quyền tiếp cận thông tin sẽ giúp cho các doanh nghiệp giảm thiểu chi phí kinh doanh và các rủi ro khi đầu tư, từ đó thu hút đầu tư và tạo công ăn việc làm nhiều hơn. Tăng cường tiếp cận thông tin cũng đồng thời giảm cạnh tranh không lành mạnh giữa các doanh nghiệp, tăng tỷ số doanh thu của doanh nghiệp, tăng đầu tư có chất lượng cao. Như vậy, việc ban hành Luật sẽ là tiền đề cho đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam tăng lên vì các hoạt động đầu tư chủ yếu dựa vào tính ổn định, sự minh bạch và thông tin thị trường, giảm tham nhũng, có nghĩa là nếu việc tiếp cận thông tin được tốt hơn, thì sẽ thúc đẩy nhiều đầu tư hơn, do đó, kinh tế tăng trưởng ổn định hơn.

- *Về tăng hiệu quả quản lý nhà nước:* từ cơ chế bảo đảm quyền tiếp cận thông tin sẽ hình thành cơ chế giám sát có hiệu quả từ công chúng tới các hoạt động của cơ quan công quyền, đặc biệt là các cơ quan hành chính, qua đó, các cơ quan này cũng sẽ hoạt động có hiệu quả và trách nhiệm hơn. Trên cơ sở được biết thông tin người dân mới kịp thời kiến nghị lên các cơ quan nhà nước để hoàn thiện chính sách, pháp luật. Việc phản hồi từ phía người dân sẽ giúp các cơ quan nhà nước cân nhắc, lựa chọn và đưa ra những quyết định đúng đắn, phù hợp với lòng dân, tăng hiệu quả của chính sách. Cơ chế thông tin hai chiều giữa Nhà nước và công dân sẽ giúp cho việc quản lý nhà nước có hiệu lực và hiệu quả hơn, tăng tính trách nhiệm của công dân cũng như của các cơ quan công quyền.

Với việc chia sẻ thông tin, các công dân, tổ chức có thể sử dụng các kết quả nghiên cứu, điều tra để tránh lãng phí ngân sách nhà nước, chi phí của tư nhân cũng như chi phí của các tổ chức xã hội khác, tiết kiệm các nguồn lực trong xã hội.

Việc minh bạch hoạt động của các cơ quan công quyền giúp cho việc kiểm tra, thanh tra, giám sát hiệu quả hơn. Việc minh bạch hoá và bảo đảm quyền tiếp cận thông tin sẽ làm giảm các chi phí tìm hiểu, nghiên cứu pháp luật đối với cả các cán bộ, công chức, doanh nghiệp và người dân nhờ tạo được một nguồn thông tin duy nhất, bảo đảm độ tin cậy, qua đó cũng làm giảm kiện tụng do nhầm lẫn.

Một lợi ích khác là nếu tăng tính minh bạch trong hoạt động của các cơ quan nhà nước sẽ làm giảm tham nhũng và sẽ có ảnh hưởng tích cực tới nền kinh tế.

- *Tác động lên khu vực tư nhân*: doanh nghiệp và người dân không phải mất nhiều thời gian cho việc tìm kiếm văn bản; giảm rủi ro cho hoạt động sản xuất, kinh doanh nhờ giảm rủi ro phát sinh từ việc nhầm lẫn và không chắc chắn về các nghĩa vụ pháp lý liên quan; các rủi ro đối với người dân cũng giảm; giảm chi phí kiện tụng, chi phí nghiên cứu pháp luật đối với doanh nghiệp; giảm vi phạm pháp luật và khiếu nại, khiếu kiện. Việc tiếp cận thông tin dễ dàng sẽ khắc phục những thiệt hại, các chi phí cho người dân và chi phí cơ hội cho doanh nghiệp (ví dụ: nếu biết rõ quy hoạch xây dựng thì người dân, doanh nghiệp sẽ đỡ tốn kém, thiệt hại khi xây dựng các công trình, nhà ở; người dân kịp thời được cung cấp các thông tin nhằm bảo vệ sức khỏe, an toàn tính mạng sẽ khắc phục được tình trạng sử dụng sữa nghèo dinh dưỡng như vừa qua hay khắc phục được tình trạng gây ô nhiễm môi trường của các doanh nghiệp, ảnh hưởng nghiêm trọng tới môi trường sống của người dân...).

- *Về cải thiện mối quan hệ giữa Nhà nước và công dân*: việc người dân có đầy đủ các nguồn thông tin giúp họ đóng vai trò chủ động hơn trong xã hội và đóng góp cho Nhà nước và phát triển. Người dân cũng tin tưởng hơn vào Nhà nước và sẵn sàng, chủ động đóng góp xây dựng, hoàn thiện chính sách, quy định pháp luật. Bảo đảm quyền tiếp cận thông tin cũng đồng thời bảo đảm sự công bằng, tăng lòng tin của người dân đối với Nhà nước. Thông qua việc lắng nghe ý kiến phản hồi từ công chúng, mối quan hệ giữa Nhà nước với nhân dân còn được củng cố và tăng cường.

- *Tác động tích cực đến sự tuân thủ pháp luật của cán bộ, công chức, người dân, doanh nghiệp*: Việc tiếp cận đầy đủ thông tin sẽ tạo tiền đề thuận lợi cho việc thi hành văn bản của mọi đối tượng trong xã hội. Văn bản pháp luật (gồm cả văn bản quy phạm pháp luật và văn bản điều hành hành chính) sẽ được thực thi và tuân thủ tốt hơn. Sự nhầm lẫn và không chắc chắn về thông tin chính thức của các cơ quan nhà nước (trong đó có pháp luật) sẽ làm tăng sự không tuân thủ, làm giảm lợi ích của các chính sách công được đưa ra nhằm bảo vệ môi trường, con người. Do đó, cung cấp thông tin đầy đủ sẽ làm giảm cấp độ không tuân thủ pháp luật. Nhờ biết đầy đủ thông tin, các doanh nghiệp sẽ tiết kiệm được chi phí trong việc tuân thủ quy định vì họ đã có thời gian để chuẩn bị các điều kiện thi hành văn bản. Ngoài ra, khi người dân có nhiều thông tin, sẽ nâng cao hiểu biết và nhận thức, người dân cũng tự giác thực hiện chính sách, pháp luật hơn.

IV. BỐ CỤC CỦA LUẬT TIẾP CẬN THÔNG TIN

Luật tiếp cận thông tin được thông qua ngày 6 tháng 4 năm 2016 tại kỳ họp thứ 11 của Quốc hội khóa XIII. Luật gồm 5 chương, 37 Điều. Cụ thể như sau:

- Chương I - Những quy định chung (16 điều, từ Điều 1 đến Điều 16) gồm các quy định về phạm vi điều chỉnh, giải thích từ ngữ, quyền tiếp cận thông tin của công dân; nguyên tắc bảo đảm quyền tiếp cận thông tin; chủ thể thực hiện quyền tiếp cận thông tin; thông tin công dân được tiếp cận, thông tin công dân không được tiếp cận, thông tin công dân được tiếp cận có điều kiện; quyền và nghĩa vụ của công dân trong việc tiếp cận thông tin; phạm vi và trách nhiệm cung cấp thông

tin; cách thức tiếp cận thông tin; các hành vi bị nghiêm cấm; chi phí tiếp cận thông tin; giám sát việc bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin; khiếu nại, khởi kiện, tố cáo; xử lý vi phạm; áp dụng pháp luật về tiếp cận thông tin.

- Chương II - Công khai thông tin (6 điều, từ Điều 17 đến Điều 22) gồm các quy định về thông tin phải được công khai, hình thức, thời điểm công khai thông tin, việc công khai thông tin trên cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử, trên phương tiện thông tin đại chúng, đăng Công báo, niêm yết và xử lý thông tin không chính xác.

- Chương III- Cung cấp thông tin theo yêu cầu (10 điều, từ Điều 23 đến Điều 32) gồm các quy định về loại thông tin được cung cấp theo yêu cầu; hình thức yêu cầu cung cấp thông tin; hình thức cung cấp thông tin theo yêu cầu; tiếp nhận yêu cầu cung cấp thông tin, giải quyết yêu cầu cung cấp thông tin và từ chối yêu cầu cung cấp thông tin; trình tự, thủ tục cung cấp thông tin trực tiếp tại trụ sở cơ quan cung cấp thông tin, trình tự cung cấp thông tin thông qua mạng điện tử, trình tự, thủ tục cung cấp thông tin thông qua dịch vụ bưu chính, fax và xử lý thông tin cung cấp theo yêu cầu không chính xác.

- Chương IV - Trách nhiệm bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin của công dân (3 điều, từ Điều 33 đến Điều 35) gồm các quy định về các biện pháp bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin của công dân; trách nhiệm của cơ quan cung cấp thông tin trong việc bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin; trách nhiệm của Chính phủ, các bộ và Ủy ban nhân dân các cấp trong việc bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin của công dân.

- Chương V - Điều khoản thi hành (2 điều, Điều 36 và Điều 37) gồm quy định về điều khoản áp dụng và hiệu lực thi hành.

V. NỘI DUNG CỦA LUẬT TIẾP CẬN THÔNG TIN

1. Về một số quy định chung

- *Về phạm vi điều chỉnh của Luật:* Luật này quy định về việc thực hiện quyền tiếp cận thông tin của công dân, nguyên tắc, trình tự, thủ tục thực hiện quyền tiếp cận thông tin, trách nhiệm, nghĩa vụ của cơ quan nhà nước trong việc bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân. Như vậy, phạm vi điều chỉnh của Luật tập trung vào việc giải quyết những vấn đề liên quan nhằm bảo đảm một người dân bình thường có thể thực hiện quyền tiếp cận thông tin của mình.

- *Khái niệm thông tin, thông tin do cơ quan nhà nước tạo ra:*

Theo quy định của Luật, *Thông tin* là tin, dữ liệu được chứa đựng trong văn bản, hồ sơ, tài liệu có sẵn, tồn tại dưới dạng bản viết, bản in, bản điện tử, tranh, ảnh, bản vẽ, băng, đĩa, bản ghi hình, ghi âm hoặc các dạng khác do cơ quan nhà nước tạo ra.

Thông tin do cơ quan nhà nước tạo ra là tin, dữ liệu được tạo ra trong quá trình cơ quan nhà nước thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật, được người có thẩm quyền của cơ quan nhà nước đó **ký, đóng dấu hoặc xác nhận bằng văn bản**.

- Về nguyên tắc bảo đảm quyền tiếp cận thông tin:

Quyền tiếp cận thông tin là một trong những quyền cơ bản của công dân được Hiến pháp 2013 ghi nhận, một quyền nền tảng và quan trọng để bảo đảm thực hiện các quyền, nghĩa vụ khác của công dân. Thể chế hóa nguyên tắc hiến định, Luật quy định nguyên tắc mọi công dân bình đẳng, không bị phân biệt đối xử trong việc thực hiện quyền tiếp cận thông tin. Đề cao trách nhiệm của các cơ quan nhà nước trong việc cung cấp thông tin, Luật quy định nguyên tắc thông tin được cung cấp phải chính xác, đầy đủ; việc cung cấp thông tin phải kịp thời, công khai, minh bạch, đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Thể chế hóa nội dung và tinh thần của Hiến pháp năm 2013 về trách nhiệm của Nhà nước trong việc tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm quyền con người, quyền cơ bản của công dân, Luật quy định nguyên tắc việc hạn chế quyền tiếp cận thông tin phải do luật định và trong các trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng; việc thực hiện quyền tiếp cận thông tin của công dân không được xâm phạm lợi ích quốc gia, dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức hoặc của người khác.

Bên cạnh đó, để bảo đảm mọi công dân được tạo điều kiện thuận lợi nhất trong việc thực hiện quyền của mình, nhất là đối với các đối tượng có điều kiện khó khăn, Luật tiếp cận thông tin quy định Nhà nước tạo điều kiện thuận lợi để người khuyết tật, người sinh sống ở khu vực biên giới, hải đảo, miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thực hiện quyền tiếp cận thông tin.

- Về quyền và nghĩa vụ của công dân trong việc tiếp cận thông tin

Quyền tiếp cận thông tin là quyền cơ bản của công dân, được Nhà nước ghi nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm thực hiện. Nhằm cụ thể hóa quyền tiếp cận thông tin đã được Hiến pháp ghi nhận, Điều 8 Luật tiếp cận thông tin quy định công dân có các quyền: i) được cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời; ii) khiếu nại, khởi kiện, tố cáo hành vi vi phạm pháp luật về tiếp cận thông tin.

Tuy nhiên, bên cạnh việc thực hiện quyền tiếp cận thông tin của mình, công dân cũng có nghĩa vụ đối với nhà nước và xã hội trong việc tiếp cận thông tin. Theo đó, công dân có nghĩa vụ tuân thủ quy định pháp luật về tiếp cận thông tin; sử dụng thông tin đúng mục đích, không làm sai lệch nội dung thông tin đã được cung cấp.

- Về hành vi bị nghiêm cấm:

Trong việc tiếp cận thông tin luôn có hành vi của hai chủ thể là công chức – chủ thể làm nhiệm vụ trực tiếp cung cấp thông tin và công dân – chủ thể tiếp cận thông tin. Luật quy định một số hành vi bị nghiêm cấm đối với cả hai chủ thể nói trên.

Đối với người làm nhiệm vụ cung cấp thông tin: Luật quy định nghiêm cấm việc cố ý cung cấp thông tin sai lệch, không đầy đủ; hủy hoại; làm giả thông tin (khoản 1 Điều 11).

Đối với người làm nhiệm vụ cung cấp thông tin và công dân tiếp cận thông tin: Luật quy định nghiêm cấm cung cấp hoặc sử dụng thông tin để chống lại Nhà

nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, phá hoại chính sách đoàn kết, kích động bạo lực; cung cấp hoặc sử dụng thông tin nhằm xúc phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín, gây kỳ thị về giới, gây thiệt hại về tài sản của cá nhân, cơ quan.

Ngoài ra, nhằm bảo vệ người có nhiệm vụ cung cấp thông tin cũng như bảo vệ công dân khi thực hiện quyền tiếp cận thông tin, khoản 4 Điều 11 Luật nghiêm cấm hành vi cản trở, đe dọa, trù dập người yêu cầu, người cung cấp thông tin.

- Về chi phí tiếp cận thông tin:

Chi phí tiếp cận thông tin là một trong những yếu tố quan trọng ảnh hưởng tới tính khả thi của Luật. Kinh nghiệm của các nước cho thấy, các khoản thu phí tiếp cận thông tin sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến quyền tiếp cận thông tin, có thể tạo ra một số rào cản không cần thiết. Với quan điểm cung cấp thông tin là trách nhiệm của nhà nước, do vậy, Luật không đặt ra việc thu phí hay lệ phí tiếp cận thông tin, trừ trường hợp luật khác có quy định. Người yêu cầu cung cấp thông tin chỉ phải trả các chi phí thực tế cho việc in ấn, sao chụp, gửi thông tin. Về mức chi phí cụ thể, việc quản lý và sử dụng chi phí cung cấp thông tin, Luật ủy quyền cho Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định cụ thể.

- Về áp dụng pháp luật về tiếp cận thông tin

Luật tiếp cận thông tin được xây dựng trong bối cảnh nhiều văn bản quy phạm pháp luật hiện hành đã có quy định về tiếp cận thông tin trong một số ngành, lĩnh vực. Tuy nhiên, qua rà soát hệ thống pháp luật cho thấy, các quy định về tiếp cận thông tin trong các văn bản pháp luật hiện hành còn tản mạn, có văn bản quy định tương đối đầy đủ về chủ thể, trình tự, thủ tục tiếp cận thông tin nhưng cũng có những văn bản chưa có quy định, quy định chưa rõ hoặc quy định chưa phù hợp về trình tự, thủ tục tiếp cận thông tin, dẫn đến thực tế thông tin được công khai nhưng người dân vẫn khó tiếp cận.

Do vậy, để khẳng định giá trị và ý nghĩa của Luật tiếp cận thông tin trong hệ thống pháp luật, Điều 16 Luật quy định Luật này áp dụng chung cho việc tiếp cận thông tin của công dân. Như vậy, các quy định của Luật tiếp cận thông tin sẽ khóa lấp những chỗ trống của các văn bản pháp luật hiện hành có quy định về tiếp cận thông tin, đồng thời, thay thế các quy định hiện hành trái với các nguyên tắc bảo đảm quyền tiếp cận thông tin quy định tại Điều 3 của Luật – chủ yếu là các nguyên tắc đã được Hiến pháp năm 2013 ghi nhận. Trong trường hợp các luật khác có quy định về việc tiếp cận thông tin mà không trái với các nguyên tắc quy định tại Điều 3 của Luật này thì được thực hiện theo quy định của luật đó.

2. Chủ thể thực hiện quyền tiếp cận thông tin

Cụ thể hóa quy định tại Điều 25 Hiến pháp năm 2013 “*Công dân có quyền ... tiếp cận thông tin*”, Luật quy định chủ thể thực hiện quyền tiếp cận thông tin là công dân, bao gồm cả công dân Việt Nam đang định cư ở nước ngoài.

Bên cạnh đó, Luật còn quy định việc bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của nhóm đối tượng là người mất năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi và người dưới 18 tuổi. Theo đó, những đối tượng này thực hiện quyền tiếp cận thông tin thông qua người đại diện theo pháp luật, người giám hộ trừ trường hợp pháp luật liên quan có quy định khác.

Ngoài ra, trong xu thế hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng và thực hiện chủ trương mở rộng hợp tác, thu hút đầu tư nước ngoài, một số lượng lớn nhà đầu tư nước ngoài đến Việt Nam làm ăn, sinh sống, người Việt Nam định cư ở nước ngoài có quốc tịch nước ngoài về Việt Nam đầu tư, kinh doanh cũng có nhu cầu được tiếp cận thông tin để bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Những người này cũng có quyền tiếp cận các thông tin công khai rộng rãi theo quy định của Luật mà không bị giới hạn; riêng đối với các thông tin cung cấp theo yêu cầu, để phù hợp với quy định của Hiến pháp năm 2013 về quyền tiếp cận thông tin của công dân và phù hợp với điều kiện thực tiễn ở Việt Nam, những người này chỉ được yêu cầu cung cấp những thông tin có liên quan trực tiếp đến quyền và nghĩa vụ của họ (khoản 1 Điều 36).

Ngoài ra, Luật cũng quy định công dân có thể yêu cầu cung cấp thông tin thông qua tổ chức, đoàn thể, doanh nghiệp của mình trong trường hợp nhiều người của tổ chức, đoàn thể, doanh nghiệp đó cùng có yêu cầu cung cấp thông tin giống nhau (khoản 2 Điều 36).

3. Chủ thể có trách nhiệm cung cấp thông tin

Mặc dù pháp luật đã quy định trách nhiệm nói chung của các cơ quan nhà nước trong việc công khai, cung cấp thông tin trong một số lĩnh vực, song trên thực tế, chỉ một số ít cơ quan, tổ chức thực hiện việc công khai thông tin hoặc cung cấp thông tin. Thực tiễn thời gian qua cho thấy, việc công khai, cung cấp thông tin chỉ giới hạn trong một số lĩnh vực quản lý hành chính nhà nước và được thực hiện trên cơ sở quy định của một số văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành như Luật về phòng, chống tham nhũng, Luật bảo vệ môi trường, Luật ngân sách, Luật xây dựng, Luật báo chí, Luật xuất bản... Trong khi đó, thông tin mà người dân có nhu cầu tiếp cận không chỉ do các cơ quan thuộc hệ thống hành pháp mà còn do các cơ quan thuộc hệ thống tư pháp và lập pháp tạo ra. Thông tin người dân muốn tiếp cận không chỉ có ở các cơ quan trung ương mà có cả ở các cơ quan ở địa phương, thậm chí có nhiều thông tin không chỉ giới hạn trong phạm vi cơ quan nhà nước tạo ra mà cả ở các doanh nghiệp.

Xuất phát từ quan điểm chỉ đạo Luật điều chỉnh mối quan hệ về tiếp cận thông tin giữa Nhà nước và công dân, do đó, Luật quy định trách nhiệm của các cơ quan nhà nước từ cơ quan hành pháp, tư pháp đến cơ quan lập pháp cung cấp thông tin cho công dân; đồng thời quy định rõ trách nhiệm, nghĩa vụ của cơ quan nhà nước trong việc bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân.

Xuất phát từ quan điểm chỉ đạo Luật điều chỉnh mối quan hệ về tiếp cận thông tin giữa Nhà nước và công dân, do đó, Luật quy định trách nhiệm của các cơ quan nhà nước từ cơ quan hành pháp, tư pháp đến cơ quan lập pháp cung cấp thông tin cho công dân.

Điều cần lưu ý là các cơ quan nhà nước có trách nhiệm cung cấp các thông tin theo quy định của Luật, là các thông tin do mình tạo ra; đối với một số cơ quan nhà nước khác do Luật xác định, còn phải cung cấp các thông tin do cơ quan khác tạo ra, cụ thể:

(i) Văn phòng Quốc hội có trách nhiệm cung cấp thông tin do Quốc hội, cơ quan của Quốc hội, cơ quan thuộc Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng bầu cử quốc gia tạo ra;

(ii) Văn phòng Chủ tịch nước có trách nhiệm cung cấp thông tin do Chủ tịch nước tạo ra;

(iii) Văn phòng Chính phủ có trách nhiệm cung cấp thông tin do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tạo ra;

(iv) Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội có trách nhiệm cung cấp thông tin do Đoàn đại biểu Quốc hội tạo ra;

(v) Văn phòng Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm cung cấp thông tin do Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các cơ quan của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh tạo ra;

(vi) Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm cung cấp thông tin do Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tạo ra ;

(vii) Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm cung cấp thông tin do Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các cơ quan của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện tạo ra.

Trong khối các cơ quan hành chính nhà nước, Ủy ban nhân dân xã là nơi tiếp nhận hầu hết các thông tin chính thức của các cơ quan nhà nước cấp trên như các chủ trương, chính sách, văn bản pháp luật... và là cấp cơ sở gần với người dân nhất, nơi cung cấp và giải đáp mọi nhu cầu, vướng mắc cho người dân. Để tạo thuận lợi cho công dân và giảm chi phí tiếp cận thông tin cho công dân, Luật quy định, ngoài trách nhiệm cung cấp thông tin do mình tạo ra, Ủy ban nhân dân cấp xã còn có trách nhiệm cung cấp thông tin do mình ***nhận được từ cơ quan khác*** để trực tiếp thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

4. Cách thức tiếp cận thông tin

Luật quy định công dân được tiếp cận thông tin bằng hai cách thức: (i) Tự do tiếp cận thông tin do cơ quan nhà nước công khai; (ii) Yêu cầu cơ quan nhà nước cung cấp thông tin (Điều 10).

5. Phạm vi thông tin được tiếp cận

Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người dân trong việc xác định phạm vi thông tin mà mình được tiếp cận, Luật quy định về thông tin công dân được tiếp cận (Điều 5), thông tin công dân không được tiếp cận (Điều 6) và thông tin công dân được tiếp cận có điều kiện (Điều 7).

Thông tin công dân được tiếp cận là tất cả thông tin của cơ quan nhà nước theo quy định của Luật, trừ thông tin công dân không được tiếp cận quy định tại Điều 6 của Luật và được tiếp cận có điều kiện đối với thông tin quy định tại Điều 7 của Luật tiếp cận thông tin.

Thông tin công dân không được tiếp cận bao gồm:

(i) Thông tin thuộc bí mật nhà nước, bao gồm những thông tin có nội dung quan trọng thuộc lĩnh vực chính trị, quốc phòng, an ninh quốc gia, đối ngoại, kinh tế, khoa học, công nghệ và các lĩnh vực khác theo quy định của luật;

(ii) Thông tin mà nếu để tiếp cận sẽ gây nguy hại đến lợi ích của Nhà nước, ảnh hưởng xấu đến quốc phòng, an ninh quốc gia, quan hệ quốc tế, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng; gây nguy hại đến tính mạng, cuộc sống hoặc tài sản của người khác; thông tin thuộc bí mật công tác; thông tin về cuộc họp nội bộ của cơ quan nhà nước; tài liệu do cơ quan nhà nước soạn thảo cho công việc nội bộ.

Thông tin công dân được tiếp cận có điều kiện bao gồm:

(i) Thông tin liên quan đến bí mật kinh doanh được tiếp cận trong trường hợp chủ sở hữu bí mật kinh doanh đó đồng ý;

(ii) Thông tin liên quan đến bí mật đời sống riêng tư, bí mật cá nhân được tiếp cận trong trường hợp được người đó đồng ý; thông tin liên quan đến bí mật gia đình được tiếp cận trong trường hợp được các thành viên gia đình đồng ý.

Tuy nhiên, Luật cũng quy định: trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, người đứng đầu cơ quan nhà nước quyết định việc cung cấp thông tin liên quan đến bí mật kinh doanh, đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình trong trường hợp cần thiết vì lợi ích công cộng, sức khỏe của cộng đồng theo quy định của luật có liên quan mà không cần có sự đồng ý của các đối tượng theo quy định của Luật tiếp cận thông tin.

5.1. Thông tin các cơ quan nhà nước phải công khai

Để tạo điều kiện cho người dân dễ dàng tiếp cận thông tin, Luật quy định trách nhiệm của các cơ quan nhà nước công bố, công khai rộng một số loại thông tin nhất định trên trang/cổng thông tin điện tử, phương tiện thông tin đại chúng và đăng Công báo, niêm yết. Việc công khai thông tin một cách chủ động và tích cực sẽ làm giảm gánh nặng hành chính của việc trả lời những câu hỏi và yêu cầu thông thường bởi các tài liệu được công khai rộng rãi càng nhiều thì số lượng các yêu cầu tiếp cận thông tin sẽ càng giảm đi.

Theo đó, Luật quy định các thông tin phải được công khai tại khoản 1 Điều 17 bao gồm:

- Văn bản quy phạm pháp luật; văn bản hành chính có giá trị áp dụng chung; điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, thỏa thuận quốc tế mà Việt Nam là một bên; thủ tục hành chính, quy trình giải quyết công việc của cơ quan nhà nước;

- Thông tin phổ biến, hướng dẫn thực hiện pháp luật, chế độ, chính sách đối với những lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của cơ quan nhà nước;

- Dự thảo văn bản quy phạm pháp luật theo quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật; nội dung và kết quả trưng cầu ý dân, tiếp thu ý kiến của Nhân dân đối với những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của cơ quan nhà nước mà đưa ra lấy ý kiến Nhân dân theo quy định của pháp luật; đề án và dự thảo đề án thành lập, giải thể, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới hành chính;

- Chiến lược, chương trình, dự án, đề án, kế hoạch, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, địa phương; quy hoạch ngành, lĩnh vực và phương thức, kết quả thực hiện; chương trình, kế hoạch công tác hằng năm của cơ quan nhà nước;

- Thông tin về dự toán ngân sách nhà nước; báo cáo tình hình thực hiện ngân sách nhà nước; quyết toán ngân sách nhà nước; dự toán, tình hình thực hiện, quyết toán ngân sách đối với các chương trình, dự án đầu tư xây dựng cơ bản sử dụng vốn ngân sách nhà nước; thủ tục ngân sách nhà nước;

- Thông tin về phân bổ, quản lý, sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức và nguồn viện trợ phi chính phủ theo quy định; thông tin về quản lý, sử dụng các khoản cứu trợ, trợ cấp xã hội; quản lý, sử dụng các khoản đóng góp của Nhân dân, các loại quỹ;

- Thông tin về danh mục dự án, chương trình đầu tư công, mua sắm công và quản lý, sử dụng vốn đầu tư công, tình hình và kết quả thực hiện kế hoạch, chương trình, dự án đầu tư công; thông tin về đấu thầu; thông tin về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; giá đất; thu hồi đất; phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư liên quan đến dự án, công trình trên địa bàn;

- Thông tin về hoạt động đầu tư, quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp; báo cáo đánh giá kết quả hoạt động và xếp loại doanh nghiệp; báo cáo giám sát tình hình thực hiện công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp và cơ quan nhà nước đại diện chủ sở hữu; thông tin về tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp nhà nước,...

Nhằm tăng cường trách nhiệm của cơ quan nhà nước trong việc chủ động công khai các thông tin, từ đó sẽ giảm tải cung cấp thông tin theo yêu cầu của công dân, giảm chi phí hành chính cũng như chi phí tiếp cận thông tin cho người dân, Luật cũng quy định: ngoài danh sách các thông tin phải công khai nêu trên, căn cứ vào điều kiện thực tế, cơ quan nhà nước chủ động công khai thông tin khác do mình tạo ra hoặc nắm giữ (khoản 2 Điều 17); Luật cũng quy định các thông tin cụ thể bắt buộc phải đăng tải trên trang thông tin/cổng thông tin điện tử (Điều 19) để người dân thuận lợi khi tiếp cận và giảm chi phí tiếp cận thông tin cho công dân, giảm chi phí hành chính. Tuy nhiên, cần lưu ý là các thông tin được đăng tải trên trang thông tin/cổng thông tin điện tử phải luôn được cập nhật để bảo đảm tính chính xác.

Bên cạnh đó, Luật quy định cụ thể các hình thức, thời điểm công khai thông tin, trong đó có quy định về việc công khai thông tin trên cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử, trên phương tiện thông tin đại chúng, đăng Công báo, niêm yết.

5.2. Thông tin được cung cấp theo yêu cầu

Trong quá trình soạn thảo, có nhiều ý kiến khác nhau về phạm vi thông tin được cung cấp yêu cầu. Có ý kiến đề nghị phạm vi các thông tin này phải rộng, bao quát mọi lĩnh vực của đời sống, bảo đảm quyền của người dân trong việc tiếp cận thông tin. Tuy nhiên, cũng có ý kiến cho rằng, tình hình thực tế cho thấy khối lượng công việc các cơ quan nhà nước phải thực hiện là rất lớn trong điều kiện nguồn nhân lực cũng như kinh phí còn hạn hẹp, thêm vào đó, năng lực quản lý nhà nước, trình độ dân trí cũng còn nhiều hạn chế.

Do vậy, để bảo đảm cho công dân, tổ chức được cung cấp thông tin phục vụ cho nhu cầu của họ với điều kiện không gây cản trở cho hoạt động bình thường của cơ quan nhà nước, bảo vệ các thông tin cần được bảo mật, bảo vệ lợi ích cộng đồng và phù hợp với điều kiện cụ thể của nước ta hiện nay, Luật xác định các loại thông tin được cung cấp theo yêu cầu được giới hạn trong một phạm vi phù hợp quy định tại Điều 23 bao gồm: (i) Thông tin phải được công khai nhưng chưa được công khai, đã hết thời hạn công khai hoặc đang được công khai nhưng vì lý do khách quan người yêu cầu không thể tiếp cận; (ii) Thông tin liên quan đến bí mật kinh doanh, đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình đủ điều kiện cung cấp theo quy định của Luật; (iii) Thông tin liên quan trực tiếp đến đời sống, sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh của người yêu cầu cung cấp thông tin nhưng không thuộc loại thông tin đã được công khai theo quy định của Luật.

Tương tự như đối với thông tin các cơ quan nhà nước phải công khai, nhằm tăng cường trách nhiệm của cơ quan nhà nước trong việc cung cấp thông tin theo yêu cầu và giảm chi phí cho công dân trong việc tiếp cận thông tin, Luật cũng quy định: Ngoài thông tin Luật quy định bắt buộc phải công khai, căn cứ vào nhiệm vụ, quyền hạn, điều kiện và khả năng thực tế của mình, cơ quan nhà nước có thể cung cấp thông tin khác do mình tạo ra hoặc nắm giữ.

6. Quy trình tiếp cận thông tin theo yêu cầu của công dân

6.1. Hình thức yêu cầu cung cấp thông tin

Hình thức yêu cầu cung cấp thông tin là cách thức biểu hiện yêu cầu cung cấp thông tin của công dân đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Theo đó, Điều 24 Luật tiếp cận thông tin quy định 2 hình thức yêu cầu cung cấp thông tin gồm:

(i) Trực tiếp hoặc ủy quyền cho người khác đến trụ sở của cơ quan nhà nước yêu cầu cung cấp thông tin. Người tiếp nhận yêu cầu có trách nhiệm hướng dẫn người yêu cầu điền Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin. Trường hợp người yêu cầu cung cấp thông tin không biết chữ hoặc bị khuyết tật không thể viết yêu cầu thì người tiếp nhận yêu cầu cung cấp thông tin có trách nhiệm giúp điền các nội dung vào Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin.

(ii) Gửi văn bản yêu cầu qua mạng điện tử, đường bưu điện, fax. Luật quy định hình thức này nhằm tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho người dân trong việc yêu cầu tiếp cận thông tin.

Điều 24 Luật tiếp cận thông tin cũng quy định các nội dung phải có trong văn bản yêu cầu cung cấp thông tin. Theo đó, trong văn bản yêu cầu, người yêu cầu phải nêu rõ tên, địa chỉ, số chứng minh nhân dân hoặc số hộ chiếu của cá nhân yêu cầu, trong trường hợp có số fax, điện thoại, địa chỉ thư điện tử thì cũng cần ghi rõ để liên hệ.

Để có thể cung cấp thông tin theo yêu cầu thì cơ quan tạo ra thông tin cần phải biết chính xác thông tin mà người yêu cầu muốn được cung cấp là thông tin nào. Do đó, trong văn bản yêu cầu phải nêu rõ thông tin được yêu cầu cung cấp, trong đó chỉ rõ tên văn bản, hồ sơ, tài liệu. Đồng thời, người yêu cầu phải nêu cách thức mà mình mong muốn nhận được thông tin (ví dụ: nhận trực tiếp, nhận qua email, đường bưu điện, fax), làm cơ sở để cơ quan cung cấp thông tin xem xét, cung cấp cho phù hợp, thuận lợi cho người dân.

Trong văn bản yêu cầu cung cấp thông tin, người yêu cầu cũng phải nêu lý do yêu cầu cung cấp thông tin đó để cơ quan cung cấp thông tin xem xét, quyết định trong trường hợp thông tin được yêu cầu là các thông tin liên quan đến đời sống, sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh của người yêu cầu, đồng thời cũng phục vụ cho cơ chế thanh tra, kiểm tra sau này.

6.2. Hình thức cung cấp thông tin theo yêu cầu

Tương ứng với các hình thức yêu cầu cung cấp thông tin quy định tại Điều 24, khoản 1 Điều 25 của Luật quy định các hình thức cung cấp thông tin theo yêu cầu, gồm: (i) trực tiếp tại trụ sở cơ quan cung cấp thông tin và (ii) qua mạng điện tử, dịch vụ bưu chính, fax.

Về nguyên tắc, cơ quan tiếp nhận yêu cầu có trách nhiệm cung cấp thông tin cho người yêu cầu theo hình thức mà họ đề nghị; chỉ trong trường hợp không có khả năng cung cấp bằng hình thức đó, hoặc là pháp luật quy định phải cung cấp theo một hình thức khác thì cơ quan cung cấp thông tin lựa chọn hình thức cung cấp thông tin khác thích hợp để cung cấp cho người yêu cầu.

6.3. Từ chối yêu cầu cung cấp thông tin

Quyền tiếp cận thông tin là một quyền có giới hạn, theo đó, trong một số trường hợp nhất định, cơ quan cung cấp thông tin có quyền từ chối cung cấp thông tin. Điều 28 của Luật quy định các trường hợp từ chối yêu cầu cung cấp thông tin, gồm:

- Thông tin được yêu cầu thuộc loại thông tin không được tiếp cận hoặc không đáp ứng được các điều kiện đối với loại thông tin được tiếp cận có điều kiện.

- Thông tin được yêu cầu là các thông tin phải được công khai, trừ trường hợp được yêu cầu cung cấp theo quy định tại khoản 1 Điều 23 của Luật. Quy định này nhằm bảo đảm giảm áp lực đối với cơ quan nhà nước và tận dụng tối đa nguồn thông tin đã được công bố, công khai, theo đó, đối với các thông tin

đang được công khai, cơ quan nhận được yêu cầu cung cấp thông tin có thể từ chối cung cấp thông tin theo yêu cầu. Đối với trường hợp thông tin đang trong thời hạn công khai mà chưa được công khai, thông tin đã hết thời hạn công khai hoặc thông tin đang công khai nhưng vì lý do khách quan mà công dân không thể tiếp cận được thì cơ quan nhà nước có trách nhiệm cung cấp thông tin cho người dân theo yêu cầu.

(iii) Thông tin được yêu cầu không thuộc trách nhiệm cung cấp.

(iv) Thông tin đã được cung cấp hai lần cho chính người yêu cầu, trừ trường hợp người yêu cầu có lý do chính đáng. Quy định này nhằm bảo đảm vừa thực hiện quyền tiếp cận thông tin của người dân mà không làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của cơ quan nhà nước, đồng thời cũng thể hiện trách nhiệm của công dân trong việc lưu giữ và sử dụng thông tin mình đã được cung cấp. Nếu cùng một thông tin yêu cầu đã được cung cấp 02 lần, cơ quan nhà nước có quyền từ chối yêu cầu cung cấp thông tin trong những lần tiếp theo. Tuy nhiên, để bảo đảm tính linh hoạt trong quy định của pháp luật khi áp dụng trong thực tế, Luật cũng quy định ngoại lệ nếu người yêu cầu có lý do chính đáng cho việc yêu cầu cung cấp thông tin từ lần thứ 3 trở lên (ví dụ: thiên tai, hỏa hoạn làm thất lạc thông tin...) thì cơ quan nhà nước có trách nhiệm cung cấp thông tin cho người yêu cầu.

- Thông tin được yêu cầu vượt quá khả năng đáp ứng hoặc làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của cơ quan (ví dụ: thông tin được yêu cầu với số lượng quá lớn, cơ quan nhà nước không đủ nguồn lực về con người, thiết bị, cơ sở vật chất... để sao chụp và cung cấp thông tin).

- Người yêu cầu cung cấp thông tin không thanh toán chi phí thực tế để in, sao, chụp, gửi thông tin qua dịch vụ bưu chính, fax.

Để bảo đảm tính công khai, minh bạch trong hoạt động cung cấp thông tin của cơ quan nhà nước, khoản 2 Điều 28 Luật tiếp cận thông tin cơ quan được yêu cầu cung cấp thông tin có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về việc từ chối cung cấp thông tin và nêu rõ lý do từ chối cho người yêu cầu. Quy định này nhằm bảo vệ quyền của người yêu cầu cung cấp thông tin, vì trong trường hợp này, người yêu cầu có quyền khiếu nại để bảo vệ quyền lợi của mình. Để có cơ sở cho người yêu cầu khiếu nại thì việc từ chối đó phải được thể hiện bằng văn bản. Việc nêu rõ lý do từ chối là rất cần thiết để người yêu cầu cân nhắc việc có khiếu nại hay không; đồng thời cũng sẽ là cơ sở để cơ quan có thẩm quyền xem xét giải quyết khiếu nại nếu như có khiếu nại của người yêu cầu.

6.4. Trình tự, thủ tục cung cấp thông tin theo yêu cầu

Cơ quan nhà nước có trách nhiệm tiếp nhận yêu cầu cung cấp thông tin và vào Sổ theo dõi cung cấp thông tin theo yêu cầu. Trường hợp Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin chưa đầy đủ, chưa rõ ràng các nội dung theo quy định của Luật, cơ quan cung cấp thông tin có trách nhiệm hướng dẫn người yêu cầu bổ sung. Trường hợp thông tin được yêu cầu không thuộc trách nhiệm cung cấp thì

cơ quan nhận được yêu cầu phải thông báo và hướng dẫn người yêu cầu đến cơ quan có trách nhiệm cung cấp thông tin.

Khi nhận được yêu cầu cung cấp thông tin hợp lệ, cơ quan nhà nước có trách nhiệm cung cấp thông tin thông báo về thời hạn, địa điểm, hình thức cung cấp thông tin; chi phí thực tế để in, sao, chụp, gửi thông tin qua dịch vụ bưu chính, fax (nếu có) và phương thức, thời hạn thanh toán. Tùy vào hình thức yêu cầu cung cấp thông tin mà thời hạn ra thông báo của cơ quan nhà nước là ngay tại thời điểm cung cấp thông tin (đối với các thông tin được cung cấp trực tiếp tại trụ sở cơ quan cung cấp thông tin) hoặc chậm nhất là 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu hợp lệ.

Tương ứng với từng hình thức cung cấp thông tin, Luật quy định trình tự, thủ tục cung cấp thông tin trực tiếp tại trụ sở cơ quan cung cấp thông tin (Điều 29); trình tự, thủ tục cung cấp thông tin qua mạng điện tử (Điều 30) và trình tự, thủ tục cung cấp thông tin qua dịch vụ bưu chính, fax (Điều 31). Cụ thể: (i) đối với yêu cầu cung cấp thông tin đơn giản, có sẵn và có thể cung cấp ngay, cơ quan được yêu cầu có trách nhiệm cung cấp thông tin ngay cho người yêu cầu hoặc trong thời hạn chậm nhất là 03 hoặc 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu hợp lệ; (ii) đối với các thông tin phức tạp thì thời hạn cung cấp thông tin chậm nhất là 15 ngày làm việc.

Trường hợp cơ quan được yêu cầu cần thêm thời gian để xem xét, tìm kiếm, tập hợp, sao chép, giải quyết yêu cầu cung cấp thông tin thì có thể gia hạn tùy thuộc vào cách thức cung cấp thông tin tối đa không quá 10 hoặc 15 ngày làm việc và phải có văn bản thông báo cho người yêu cầu về việc gia hạn trong thời hạn cung cấp thông tin.

7. Xử lý thông tin công khai và thông tin cung cấp theo yêu cầu không chính xác

Nhằm đảm bảo thông tin được cung cấp phải kịp thời, chính xác, đầy đủ, Luật quy định cụ thể về các trường hợp xử lý thông tin công khai hoặc thông tin đã cung cấp theo yêu cầu không chính xác.

Về nguyên tắc, đối với các thông tin đã cung cấp không chính xác (dưới hình thức công khai hoặc cung cấp theo yêu cầu), thông tin do cơ quan nào tạo ra và cung cấp không chính xác thì cơ quan đó có trách nhiệm kịp thời đính chính, cung cấp lại thông tin đã được đính chính. Thông tin công khai không chính xác bằng hình thức nào thì phải được đính chính bằng hình thức đó.

Trường hợp phát hiện thông tin do cơ quan khác tạo ra nhưng do mình công khai không chính xác thì cơ quan đã công khai thông tin có trách nhiệm kịp thời đính chính, công khai thông tin đã được đính chính. Trường hợp phát hiện thông tin do mình tạo ra nhưng được cơ quan khác công khai không chính xác thì cơ quan tạo ra thông tin có trách nhiệm yêu cầu cơ quan đã công khai thông tin kịp thời đính chính, công khai thông tin đã được đính chính.

Trường hợp công dân cho rằng thông tin công khai hoặc được cung cấp theo yêu cầu không chính xác thì kiến nghị với cơ quan đã cung cấp thông tin

đó. Cơ quan đã cung cấp thông tin có trách nhiệm kiểm tra tính chính xác của thông tin và trả lời cho công dân; trường hợp xác định thông tin cung cấp không chính xác thì phải kịp thời đính chính, cung cấp lại thông tin đã được đính chính.

Riêng đối với trường hợp thông tin Ủy ban nhân dân cấp xã nắm giữ (là các thông tin do cơ quan khác tạo ra thuộc trách nhiệm cung cấp thông tin của UBND cấp xã), sau khi phát hiện hoặc có kiến nghị từ người dân cho rằng thông tin được cung cấp không chính xác mà Ủy ban nhân dân cấp xã không thể xác định được tính chính xác của thông tin đó thì Ủy ban nhân dân cấp xã phải đề nghị cơ quan tạo ra thông tin xem xét. Cơ quan tạo ra thông tin có trách nhiệm xác định tính chính xác của thông tin và trả lời cho Ủy ban nhân dân cấp xã; nếu thông tin đã cung cấp không chính xác thì phải gửi kèm theo thông tin chính xác để Ủy ban nhân dân cấp xã đính chính lại với người dân.

8. Biện pháp bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân

Điều 33 của Luật quy định cụ thể các biện pháp bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin của công dân, đó là:

- Bồi dưỡng nâng cao năng lực, chuyên môn, nghiệp vụ cho người được giao nhiệm vụ cung cấp thông tin trong việc bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân.

- Vận hành cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử; xây dựng, vận hành cơ sở dữ liệu thông tin mà cơ quan có trách nhiệm cung cấp theo quy định của Chính phủ.

- Tăng cường cung cấp thông tin thông qua hoạt động của người phát ngôn của cơ quan và các phương tiện thông tin đại chúng.

- Xác định đơn vị, cá nhân làm đầu mối cung cấp thông tin.

- Bố trí hợp lý nơi tiếp công dân để cung cấp thông tin phù hợp với điều kiện của từng cơ quan.

- Củng cố, kiện toàn công tác văn thư, lưu trữ, thống kê; trang bị các phương tiện kỹ thuật, công nghệ thông tin và các điều kiện cần thiết khác để người yêu cầu có thể trực tiếp đọc, xem, nghe, ghi chép, sao chép, chụp tài liệu tại trụ sở cơ quan nhà nước và qua mạng điện tử.

Các biện pháp nêu trên thuộc trách nhiệm của tất cả các cơ quan nhà nước – chủ thể cung cấp thông tin. Mỗi cơ quan nhà nước cần coi các biện pháp nêu trên như các biện pháp để bảo đảm thi hành tốt các quy định của Luật tiếp cận thông tin tại chính cơ quan mình mà không chỉ là trách nhiệm của Chính phủ trong việc ban hành các biện pháp bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin, từ đó, mới có thể đưa Luật tiếp cận thông tin vào cuộc sống.

9. Trách nhiệm của các cơ quan nhà nước trong việc bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin của công dân

Để bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin của công dân, Luật quy định trách nhiệm của các cơ quan nhà nước trong việc bảo đảm thực hiện quyền

tiếp cận thông tin của công dân.

Trước hết, cơ quan cung cấp thông tin có trách nhiệm công khai, cung cấp thông tin một cách kịp thời, chính xác, đầy đủ thông tin. Trong trường hợp phát hiện thông tin ở những nơi được cung cấp không chính xác hoặc không đầy đủ thì phải đính chính hoặc cung cấp bổ sung thông tin. Đồng thời, Luật cũng quy định trách nhiệm của cơ quan cung cấp thông tin tiến hành các biện pháp bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin của công dân như lập, cập nhật, công khai Danh mục thông tin phải được công khai; duy trì, lưu giữ, cập nhật cơ sở dữ liệu thông tin có trách nhiệm cung cấp, bảo đảm thông tin có hệ thống, đầy đủ, toàn diện, kịp thời, dễ dàng tra cứu; rà soát, phân loại, kiểm tra và bảo đảm tính bí mật của thông tin trước khi cung cấp; kịp thời xem xét, cân nhắc lợi ích của việc cung cấp thông tin để công khai thông tin hoặc cung cấp thông tin theo yêu cầu nhằm bảo đảm lợi ích công cộng, sức khỏe của cộng đồng ...

Cơ quan cung cấp thông tin có trách nhiệm ban hành và công bố công khai quy chế nội bộ về tổ chức cung cấp thông tin thuộc phạm vi trách nhiệm của mình... Để bảo đảm tính thống nhất trong việc ban hành Quy chế cung cấp thông tin của các cơ quan và bảo đảm quy trình cung cấp thông tin tại mỗi cơ quan thật thuận lợi cho người dân, bảo đảm tính nhanh chóng, kịp thời khi cung cấp thông tin, Luật quy định những nội dung cơ bản của Quy chế gồm: xác định đầu mối cung cấp thông tin; việc chuyển giao thông tin của đơn vị tạo ra cho đơn vị đầu mối cung cấp thông tin; việc phân loại thông tin được cung cấp và không được cung cấp; cập nhật thông tin được công khai, thông tin được cung cấp theo yêu cầu; trình tự, thủ tục xử lý yêu cầu cung cấp thông tin giữa đơn vị đầu mối với đơn vị phụ trách cơ sở dữ liệu thông tin và các đơn vị có liên quan.

10. Trách nhiệm của Chính phủ, bộ, ngành và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin

Việc thực thi quyền tiếp cận thông tin trên thực tế phần lớn thuộc phạm vi hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước. Luật quy định, Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về công tác bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân (khoản 1 Điều 31). Các cơ quan thuộc hệ thống lập pháp và tư pháp phải chia sẻ và cung cấp các thông tin cần thiết liên quan đến quá trình thực thi Luật trong phạm vi hệ thống của mình với Chính phủ để Chính phủ báo cáo trước Quốc hội về tình hình bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin trong phạm vi cả nước.

Luật quy định nội hàm của quản lý nhà nước về công tác bảo đảm quyền tiếp cận thông tin bao gồm các nội dung như: ban hành và hoàn thiện pháp luật, thực hiện các biện pháp giáo dục, tuyên truyền pháp luật và nhận thức về quyền; hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra việc thi hành pháp luật về bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân.

Về cơ bản, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về tiếp cận thông tin quy định trong phạm vi ngành, lĩnh vực mình quản lý. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm quản lý nhà nước trên địa bàn

tỉnh mình, thi hành các biện pháp bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân theo hướng dẫn của Chính phủ.

Luật cũng giao trách nhiệm của Bộ Tư pháp giúp Chính phủ theo dõi chung việc thi hành Luật tiếp cận thông tin, Bộ Thông tin và Truyền thông giúp Chính phủ thực hiện nhiệm vụ hướng dẫn kỹ thuật các biện pháp và quy trình bảo vệ thông tin và bảo vệ các hệ thống quản lý thông tin.

VI. CÁC VĂN BẢN QUY ĐỊNH CHI TIẾT, HƯỚNG DẪN THI HÀNH LUẬT

Luật tiếp cận thông tin là đạo luật quy định chung về tiếp cận thông tin nhưng là một đạo luật quy định khá chi tiết, cụ thể nhằm bảo đảm quyền tiếp cận thông tin bảo được bảo đảm bằng luật, phù hợp với tinh thần Hiến pháp năm 2013 (Điều 14). Là một đạo luật quy định chi tiết nên về cơ bản, Luật Tiếp cận thông tin năm 2016 đã cụ thể hóa tối đa phạm vi, nội dung quyền tiếp cận thông tin; trình tự, thủ tục cung cấp thông tin theo yêu cầu và công khai thông tin cũng như trách nhiệm của Nhà nước trong việc tổ chức thực thi quyền tiếp cận thông tin của công dân. Các quy định có tính chất ủy quyền của Luật không nhiều, Luật chỉ giao Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung của Luật, gồm: mẫu Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin (khoản 4 Điều 24); biện pháp tạo điều kiện thuận lợi để người khuyết tật, người sinh sống ở khu vực biên giới, hải đảo, miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thực hiện quyền tiếp cận thông tin (điểm b khoản 1 Điều 35); yêu cầu cung cấp thông tin thông qua tổ chức, đoàn thể, doanh nghiệp (khoản 2 Điều 36). Đồng thời, để bảo đảm tính thống nhất trong việc triển khai các biện pháp thi hành Luật của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp, Luật cũng giao Chính phủ có trách nhiệm hướng dẫn các biện pháp thi hành Luật tiếp cận thông tin.

Thực hiện Quyết định số 1408/QĐ-TTg ngày 15/7/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Tiếp cận thông tin, Quyết định số 931/QĐ-TTg ngày 30/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành các luật được thông qua tại kỳ họp thứ 11 Quốc hội khóa XIII, Bộ Tư pháp đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan tiến hành xây dựng dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Tiếp cận thông tin.

Nội dung của Nghị định nêu trên vừa có nội dung quy định chi tiết một số điều của Luật, vừa có nội dung có tính chất hướng dẫn biện pháp thi hành Luật. Hiện nay, Bộ Tư pháp đã trình Chính phủ dự thảo Nghị định (Tờ trình số 45/TTr-BTP ngày 25 tháng 9 năm 2017) và dự kiến Nghị định này sẽ được ban hành vào tháng 11/2017 nhưng thời điểm có hiệu lực đồng thời với thời điểm Luật tiếp cận thông tin có hiệu lực. Việc ban hành sớm Nghị định nêu trên cũng nhằm tạo điều kiện để các cơ quan nhà nước thuận lợi trong việc xây dựng Quy chế nội bộ về cung cấp thông tin của cơ quan, tổ chức tập huấn sớm các quy định của Luật và Nghị định.

Việc xây dựng Nghị định dựa trên quan điểm chỉ đạo sau:

(i) Bảo đảm tính khả thi của dự thảo Nghị định trong điều kiện thực tiễn kinh tế - xã hội Việt Nam, đồng thời bảo đảm hoạt động bình thường của các cơ quan nhà nước. Bám sát nội dung các điều, khoản mà Luật Tiếp cận thông tin giao Chính phủ quy định chi tiết thi hành, đồng thời quy định một số biện pháp cần thiết thuộc thẩm quyền ban hành của Chính phủ để bảo đảm thi hành Luật có hiệu quả.

(ii) Bảo đảm các biện pháp tạo thuận lợi cho các đối tượng gặp khó khăn trong việc tiếp cận thông tin và phù hợp với từng đối tượng; tạo điều kiện để mọi công dân thực hiện quyền tiếp cận thông tin theo quy định của Luật Tiếp cận thông tin.

(iii) Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và cung cấp thông tin thông qua mạng điện tử nhằm tiết kiệm chi phí cho cơ quan, tổ chức, cá nhân.

(iv) Tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan nhà nước trong việc bảo đảm quyền tiếp cận thông tin do cơ quan mình tạo ra.

Ngoài Nghị định nêu trên, Luật cũng giao Bộ Tài chính ban hành văn bản hướng dẫn về chi phí tiếp cận thông tin, Bộ Thông tin - truyền thông hướng dẫn kỹ thuật về biện pháp, quy trình bảo quản thông tin và hệ thống quản lý thông tin. Các văn bản này cũng đang được các cơ quan chủ trì soạn thảo gấp rút chuẩn bị để bảo đảm có hiệu lực cùng với thời điểm Luật tiếp cận thông tin có hiệu lực (1/7/2018).

Như đã nêu ở trên, trách nhiệm của tất cả các cơ quan nhà nước phải xây dựng Quy chế nội bộ về cung cấp thông tin của cơ quan mình; đây là văn bản rất quan trọng để bảo đảm việc thực hiện Luật là khả thi trong mỗi cơ quan, nhất là bảo đảm tính chính xác, kịp thời trong việc cung cấp thông tin. Quy chế nội bộ cũng cần được ban hành trước thời điểm Luật tiếp cận thông tin có hiệu lực để bảo đảm có sự chủ động, sự chuẩn bị kỹ lưỡng trong quy trình xử lý thông tin, phân loại và rà soát thông tin có thể cung cấp, phân công bộ phận, đơn vị cung cấp thông tin. Để bảo đảm tính khả thi, tính hợp lý trong việc cung cấp thông tin theo quy định của Luật, hạn chế các khiếu nại, tố cáo đối với việc cung cấp thông tin của các cơ quan, Quy chế nội bộ cần tính đến các biện pháp bảo đảm thi hành Luật phù hợp với điều kiện thực tế của cơ quan ban hành quy chế.

Trong Quy chế, người đứng đầu cơ quan có thể phân công, phân cấp các đơn vị trực thuộc trực tiếp cung cấp thông tin (ví dụ: đối với Bộ có thể phân công, ủy quyền Văn phòng Bộ hoặc một đơn vị thuộc Bộ phù hợp để cung cấp các thông tin của Bộ; giao các Tổng Cục, Cục có con dấu riêng tự cung cấp thông tin do mình tạo ra để tránh việc dồn vào một đầu mối cung cấp thông tin, nhưng phải nêu rõ quy trình và phân công trách nhiệm trong Quy chế nội bộ).

Hiện nay, Bộ Tư pháp cũng đang khẩn trương xây dựng Sổ tay hướng dẫn cho cán bộ cung cấp thông tin và Sổ tay hướng dẫn cho công dân thực hiện quyền tiếp cận thông tin theo lộ trình xác định trong Kế hoạch triển khai thi hành Luật Tiếp cận thông tin ban hành kèm theo Quyết định số 1408/QĐ-TTg ngày

15/7/2016 của Thủ tướng Chính phủ. Các cuốn Sổ tay này đều dự kiến sẽ được ban hành trước ngày Luật có hiệu lực.

So với nhiều đạo luật khác, Chính phủ đã đề xuất Quốc hội quy định hiệu lực của Luật là rất muộn tính từ thời điểm thông qua (hơn 2 năm) để có thời gian chuẩn bị các điều kiện cần thiết cho việc thi hành Luật nhưng công tác chuẩn bị vẫn còn chậm, các cơ quan có trách nhiệm cung cấp thông tin cần tiến hành khẩn trương hơn nữa để Luật sớm phát huy vai trò, ý nghĩa như đã nêu ở trên./.

BỘ TƯ PHÁP

Hà Nội, ngày 04 tháng 11 năm 2017

MỘT SỐ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM TRIỂN KHAI THI HÀNH LUẬT TIẾP CẬN THÔNG TIN

Luật tiếp cận thông tin số 104/2016/QH13 được Quốc hội Khóa XIII thông qua tại kỳ họp thứ 11 ngày 4 tháng 6 năm 2016, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2018. Đây là đạo luật rất quan trọng, tạo khuôn khổ pháp lý cho việc thực hiện quyền tiếp cận thông tin của công dân và nâng cao tính công khai, minh bạch trong hoạt động của các cơ quan nhà nước.

Nhằm triển khai thi hành Luật kịp thời, thống nhất và hiệu quả trên phạm vi cả nước, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Kế hoạch tổ chức triển khai thi hành Luật tiếp cận thông tin (ban hành kèm theo Quyết định số 1408/QĐ-TTg ngày 15/7/2016) và Chỉ thị số 08/CT-TTg ngày 14/3/2017 về việc triển khai thi hành Luật tiếp cận thông tin.

Theo Kế hoạch của Chính phủ, có 07 nhóm nhiệm vụ trọng tâm để triển khai thi hành Luật tiếp cận thông tin, trong đó một số nhiệm vụ trọng tâm đã hoàn thành như: tổ chức hội nghị quán triệt việc triển khai thi hành Luật tiếp cận thông tin (ngày 04/11/2017); tổ chức rà soát các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành liên quan đến quyền tiếp cận thông tin của công dân; đề xuất sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật để bảo đảm phù hợp với Điều 3 của Luật tiếp cận thông tin.

Để đảm bảo các điều kiện cần thiết cho việc tổ chức thi hành kịp thời, hiệu quả Luật tiếp cận thông tin trong thời gian tới, các Bộ, ngành, địa phương cần tập trung chỉ đạo, thực hiện một số công việc sau đây:

1. Triển khai phổ biến, tuyên truyền về Luật

Các Bộ, ngành, địa phương cần ban hành các kế hoạch và chỉ thị triển khai thi hành Luật tiếp cận thông tin tại Bộ, ngành, địa phương mình trên cơ sở Kế hoạch của Chính phủ và Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ.

Bên cạnh đó, trong thời gian tới, các Bộ, ngành, địa phương cần tập trung tổ chức quán triệt nội dung và tinh thần các quy định của Luật tiếp cận thông tin bằng các hình thức, biện pháp phù hợp, phổ biến, giáo dục nâng cao nhận thức về quyền và trách nhiệm của cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức và công dân trong việc thực hiện quyền tiếp cận thông tin;

Hiện nay, Bộ Tư pháp đang xây dựng Sổ tay hướng dẫn cho cán bộ cung cấp thông tin và Sổ tay hướng dẫn cho công dân thực hiện quyền tiếp cận thông

tin theo lộ trình xác định trong Kế hoạch triển khai thi hành Luật Tiếp cận thông tin ban hành kèm theo Quyết định số 1408/QĐ-TTg ngày 15/7/2016 của Thủ tướng Chính phủ. Các cuốn Sổ tay này đều dự kiến sẽ được ban hành trước ngày Luật có hiệu lực.

Trong Quý I và II năm 2018, Bộ Tư pháp sẽ tổ chức các Hội nghị tập huấn chuyên sâu về việc cung cấp thông tin cho các cán bộ, công chức làm việc tại cơ quan có trách nhiệm cung cấp thông tin (gồm cán bộ, công chức các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và cơ quan, tổ chức có liên quan ở Trung ương). Trong khi đó, các địa phương cũng cần tổ chức tập huấn chuyên sâu về việc cung cấp thông tin cho cán bộ, công chức làm đầu mối cung cấp thông tin.

2. Xây dựng các văn bản có liên quan đến việc thi hành Luật

- Các Bộ, ngành, địa phương cần tiếp tục tổ chức rà soát các quy định của pháp luật về tiếp cận thông tin liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan để kịp thời tự mình hoặc đề xuất với cơ quan nhà nước có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền để bảo đảm phù hợp với quy định của Luật tiếp cận thông tin.

- Bộ Tư pháp đã chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Nội vụ, Văn phòng Chính phủ và cơ quan, tổ chức có liên quan xây dựng dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật tiếp cận thông tin (dự kiến Nghị định này sẽ được Chính phủ thông qua trong tháng 11 năm 2017).

- Bộ Thông tin và Truyền thông cần sớm ban hành thông tư hướng dẫn kỹ thuật các biện pháp, quy trình bảo vệ thông tin và các hệ thống quản lý thông tin;

- Bộ Tài chính cần sớm ban hành Thông tư hướng dẫn về chi phí tiếp cận thông tin.

- Các cơ quan nhà nước cần sớm ban hành và công bố công khai quy chế nội bộ về tổ chức cung cấp thông tin thuộc phạm vi trách nhiệm của cơ quan.

Tất cả các văn bản quy định chi tiết thi hành và hướng dẫn thi hành Luật tiếp cận thông tin đều cần sớm ban hành để có hiệu lực đồng thời với thời điểm Luật có hiệu lực.

3. Chuẩn bị các điều kiện bảo đảm thi hành Luật

- Các Bộ, ngành, địa phương cần khẩn trương rà soát đội ngũ cán bộ, công chức để có biện pháp bố trí bộ phận hoặc cán bộ, công chức đủ năng lực, trình độ làm đầu mối cung cấp thông tin; ưu tiên bố trí những người có kinh nghiệm làm công tác pháp luật hoặc/và tin học; bố trí hợp lý nơi tiếp công dân để cung cấp thông tin phù hợp với điều kiện của từng cơ quan.

- Các Bộ, ngành, địa phương có trách nhiệm lập và vận hành cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử; xây dựng, vận hành cơ sở dữ liệu thông tin

mà cơ quan có trách nhiệm cung cấp thông tin, bảo đảm thông tin có hệ thống, đầy đủ, toàn diện, kịp thời, dễ dàng tra cứu.

- Các Bộ, ngành, địa phương cũng cần củng cố, kiện toàn công tác văn thư, lưu trữ, thống kê phục vụ cho việc cung cấp thông tin; số hóa các văn bản, hồ sơ, tài liệu và kết nối với mạng điện tử trên toàn quốc để có thể truy cập thông tin dễ dàng từ các hệ thống khác nhau nhằm tăng cường cung cấp thông tin qua mạng điện tử.

Đối với các thông tin đã được tạo ra trước thời điểm Luật có hiệu lực, các Bộ, ngành, địa phương phải tiến hành số hóa theo quy định của pháp luật về lưu trữ và lộ trình ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước.

Đối với các thông tin được tạo ra sau khi Luật có hiệu lực thì các Bộ, ngành, địa phương có trách nhiệm thường xuyên số hóa và ngay sau khi thông tin được tạo ra.

- Các Bộ, ngành, địa phương cần chuẩn bị các trang bị các phương tiện kỹ thuật, công nghệ thông tin và điều kiện cần thiết khác để đáp ứng kịp thời yêu cầu cung cấp thông tin của công dân tại trụ sở cơ quan và qua mạng điện tử.

4. Tạo chuyển biến rõ rệt về việc công khai thông tin của các cơ quan hành chính nhà nước từ Trung ương đến địa phương:

Theo tinh thần tại Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành, địa phương cần tập trung tổ chức thi hành Luật tiếp cận thông tin và tạo chuyển biến rõ rệt về việc công khai thông tin của các cơ quan hành chính nhà nước từ Trung ương đến địa phương. Theo đó, các Bộ, ngành, địa phương cần xác định nhiệm vụ cung cấp thông tin cho công dân là một trong các nhiệm vụ thường xuyên của Bộ, ngành, địa phương, từ đó bố trí nguồn lực phù hợp để đáp ứng nhu cầu cung cấp thông tin cho công dân.

- Các Bộ, ngành, địa phương có trách nhiệm hoàn thành việc lập Danh mục thông tin phải được công khai; đăng tải Danh mục trên cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử của cơ quan trước khi Luật có hiệu lực 30 ngày; thường xuyên cập nhật và công khai thông tin đúng thời điểm, thời hạn và hình thức theo Danh mục thông tin.

- Các Bộ, ngành, địa phương cần lưu ý việc rà soát, phân loại, kiểm tra và bảo đảm tính bí mật của thông tin trước khi cung cấp; kịp thời xem xét, cân nhắc lợi ích của việc cung cấp thông tin nhằm bảo đảm lợi ích công cộng, sức khỏe của cộng đồng; tăng cường cung cấp thông tin thông qua hoạt động của người phát ngôn của cơ quan nhà nước và phương tiện thông tin đại chúng.

- Đề nghị các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp chỉ đạo để thực hiện các biện pháp bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân, bố trí nguồn lực thích đáng cho việc triển khai thi hành Luật tại các Bộ, ngành, địa phương mình.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc thì các Bộ, ngành, địa phương kịp thời phản ánh về Bộ Tư pháp để được hướng dẫn giải quyết và gửi báo cáo kết quả triển khai thực hiện về Bộ Tư pháp để tổng hợp, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ./.

BỘ TƯ PHÁP